

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA
KHANH HOA POWER
JOINT STOCK COMPANY**

Số: 1339/KHPC-TTH

V/v CBTT BCTC kiểm toán năm 2025
và công văn bản giải trình kết quả SXKD
*Re: Disclosure of the Audited Financial
Statements for 2025 and the Explanatory
Report on Business Performance Results*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Khanh Hoa, March 28th, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

To: - *The State Securities Commission;*
- *Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Organization name: KHANH HOA POWER JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: KHP

- Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn – phường Nha Trang – tỉnh Khánh Hòa

Address: 11 Ly Thanh Ton Street – Nha Trang Ward – Khanh Hoa Province

- Điện thoại/Telephone: 02582.220220

Fax: 02583.823828

- E-mail: pckhanhhoa@cpc.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Công văn số 1325/KHPC-TCKT ngày 27/3/2026 của Công ty về việc giải trình thay đổi KQKD giữa BCTC quý 4/2025 và BCTC năm 2025 đã kiểm toán.

Official Letter No. 1325/KHPC-TCKT dated March 27, 2026 of the Company regarding the Explanation for the variances in business results between the Fourth quarter of 2025 financial statements and the audited financial statements for the year ended 2025.


- Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa.

The audited financial statements for 2025 of Khanh Hoa Power Joint Stock Company.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/3/2026 tại đường dẫn: <https://pckhanhhoa.cpc.vn/> Quan hệ cổ đông/Thông tin định kỳ.

This information was published on the Company's website on March 28th, 2026 at the following link: <https://pckhanhhoa.cpc.vn/> Quan he co dong/Thong tin dinh ky.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./. 

Nơi nhận: Recipients

- Như trên/As above;
- HĐQT, BKS Công ty/BOD, BOS;
- Ban TGĐ Công ty/Executive Board;
- Lưu: VT, TTH/ File: Doc. Control, Gen. Affairs.

Tài liệu đính kèm/Attachment:

- BCTC kiểm toán 2025/The audited financial statements for 2025.
- CV giải trình KQ SXKD/Explanation Letter on Business Performance Results.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director**



**Nguyễn Hải Đức
Mr. Nguyen Hai Duc**

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 46

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổ kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Cao Kỳ	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Hải Đức	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	
Ông Trần Văn Gia	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Nguyễn Chí Tân	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Nguyễn Tấn Lực	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Đào Truyền	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025

Tổ kiểm toán nội bộ

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hoài Nam	Tổ trưởng
Ông Lê Anh Khôi	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Sính	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Phước	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Vân	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Hải Đức	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại từ ngày 01/01/2026
Ông Nguyễn Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại từ ngày 01/01/2026
Ông Nguyễn Đặng Thanh Lợi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2025
Ông Nguyễn Chí Diểu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2026
Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025
Ông Trần Đăng Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/12/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Nguyễn Hải Đức, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Đức

Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Số: 176/2026/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2026 từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Kim Văn Việt
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1486-2023-240-1

Người được ủy quyền

Lê Văn Hoàng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5399-2025-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B01- DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		942.892.968.886	1.031.122.014.996
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	8.881.865.002	112.526.453.409
1. Tiền	111		8.881.865.002	12.526.453.409
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	100.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		350.000.000.000	370.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	350.000.000.000	370.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		529.573.197.709	458.640.434.787
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	466.515.493.058	429.396.234.753
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	16.732.298.403	25.566.684.138
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	50.397.406.248	8.229.317.129
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(4.072.000.000)	(4.552.103.290)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	302.057
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	27.417.441.950	41.793.740.034
1. Hàng tồn kho	141		27.417.441.950	41.793.740.034
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.020.464.225	48.161.386.766
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	3.890.790.061	2.960.920.571
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	27.448.394.844
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	23.129.674.164	17.752.071.351
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.226.029.068.170	1.229.289.615.733
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	1.599.144.600
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	100.000.000	1.599.144.600
II. Tài sản cố định	220		1.054.372.701.952	1.103.809.360.455
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	1.051.038.832.327	1.102.587.858.972
Nguyên giá	222		4.080.608.048.177	3.905.502.760.748
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.029.569.215.850)	(2.802.914.901.776)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	3.333.869.625	1.221.501.483
Nguyên giá	228		35.510.898.047	30.689.585.042
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.177.028.422)	(29.468.083.559)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		74.478.670.163	25.671.785.440
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	74.478.670.163	25.671.785.440
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.449.610.000	30.449.610.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.12	4.650.000.000	4.650.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.12	25.799.610.000	25.799.610.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		66.628.086.055	67.759.715.238
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	66.628.086.055	67.759.715.238
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.168.922.037.056	2.260.411.630.729

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B01- DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.468.289.567.906	1.557.081.691.110
I. Nợ ngắn hạn	310		794.359.467.960	873.345.127.398
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	356.174.878.660	465.155.443.553
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.15	16.904.310.948	19.223.406.187
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	16.132.771.364	4.606.046.403
4. Phải trả người lao động	314	4.16	124.342.595.488	83.564.531.295
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	84.651.644.290	34.677.832.752
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.18	2.723.466.654	2.803.623.658
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.19	17.137.662.967	5.059.623.900
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.20	142.941.074.387	234.344.950.044
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		33.351.063.202	23.909.669.606
II. Nợ dài hạn	330		673.930.099.946	683.736.563.712
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.19	63.609.667.314	48.434.402.623
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.20	609.822.784.232	633.323.161.089
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		497.648.400	1.979.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		700.632.469.150	703.329.939.619
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.21	700.632.469.150	703.329.939.619
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		604.059.670.000	604.059.670.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		604.059.670.000	604.059.670.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(470.673.364)	(470.673.364)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.443.636.522	9.443.636.522
4. Cổ phiếu quỹ	415		(218.146.117)	(218.146.117)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.130.697.119	1.130.697.119
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.687.284.990	89.384.755.459
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		29.975.682.459	31.626.754.875
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		56.711.602.531	57.758.000.584
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.168.922.037.056	2.260.411.630.729



Nguyễn Hải Đức
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Phan Thị Thanh Lý
Kế toán trưởng

Trần Thị Phương Chi
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	7.750.839.406.607	7.118.614.609.836
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.750.839.406.607	7.118.614.609.836
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	7.492.066.642.933	6.860.688.231.766
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		258.772.763.674	257.926.378.070
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	19.500.070.622	21.423.097.746
7. Chi phí tài chính	22	5.4	53.240.803.086	61.442.481.227
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>52.185.388.760</i>	<i>59.769.183.440</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	76.490.832.916	71.834.277.635
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	96.284.902.499	94.047.143.956
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.256.295.795	52.025.572.998
11. Thu nhập khác	31	5.7	23.637.401.111	25.177.136.587
12. Chi phí khác	32	5.8	4.871.595.279	5.879.147.819
13. Lợi nhuận khác	40		18.765.805.832	19.297.988.768
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		71.022.101.627	71.323.561.766
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	14.310.499.096	13.565.561.182
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		56.711.602.531	57.758.000.584
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.21.5	939	473
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.21.6	939	473

**Nguyễn Hải Đức**
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Phan Thị Thanh Lý
Kế toán trưởng**Trần Thị Phương Chi**
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		71.022.101.627	71.323.561.766
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		235.549.649.253	222.277.021.906
Các khoản dự phòng	03		(480.103.290)	(373.858.117)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.008.890.492	1.601.765.313
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20.698.203.483)	(22.068.288.261)
Chi phí lãi vay	06		52.185.388.760	59.769.183.440
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	1.541.108.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		338.587.723.359	334.070.494.047
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(51.653.066.600)	(15.858.967.896)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.376.298.084	9.631.682.204
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		28.194.994.955	39.906.583.776
Tăng giảm chi phí trả trước	12		201.759.693	3.044.742.108
Tiền lãi vay đã trả	14		(52.765.233.326)	(60.087.040.561)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.000.000.000)	(34.010.512.326)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		6.948.228.000	2.919.220.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(28.499.691.404)	(19.248.601.838)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		240.391.012.761	260.367.599.514
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(237.051.069.749)	(131.941.308.121)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.586.620.239	1.182.410.544
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(390.000.000.000)	(470.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		410.000.000.000	510.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.529.555.848	31.793.890.910
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(197.934.893.662)	(58.965.006.667)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	222.606.043.063	157.473.422.290
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(338.519.186.069)	(240.415.819.726)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(30.187.564.500)	(35.342.983.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(146.100.707.506)	(118.285.380.636)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(103.644.588.407)	83.117.212.211
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		112.526.453.409	29.409.241.198
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		8.881.865.002	112.526.453.409



Nguyễn Hải Đức
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Phan Thị Thanh Lý
Kế toán trưởng

Trần Thị Phương Chi
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Điện lực Khánh Hòa – Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Điện lực 3 thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Điện lực 3 thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 30/06/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703000162 ngày 30/06/2005 do Sở Kế hoạch Đầu tư Khánh Hòa cấp. Từ đó đến nay, Công ty đã 16 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 11/08/2025 với mã số doanh nghiệp là 4200601069.

Theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 05/02/2010 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa được chuyển về Tổng Công ty Điện lực Miền Trung kể từ ngày 01/04/2010.

Ngày 08/12/2006 UBCK Nhà Nước cấp giấy phép niêm yết số 107/UBCKGPNY cho cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán KHP. Theo đó, ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán KHP là ngày 27/12/2006.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 604.059.670.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 903 người (31 tháng 12 năm 2024 là 921 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Điện lực và xây dựng công trình điện.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng, quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110KV;
- Xây lắp các công trình điện, lưới điện và trạm điện có cấp điện áp đến 110KV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt và sửa chữa hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Thi công, lắp đặt và sửa chữa hệ thống năng lượng tái tạo;
- Thí nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110KV;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Các hoạt động khác...

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có một công ty liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	31%	31%	31%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2025

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
▪ Khác	03 – 10 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.10. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động kinh doanh điện năng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thay công tơ cháy hỏng định kỳ và chi phí công tơ phát triển mới;
- Các khoản chi phí trả trước khác (chủ yếu là giá trị công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động kinh doanh điện năng chờ phân bổ và chi phí thuê đất).

3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.14. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn trong kỳ báo cáo hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Các chi phí phải trả bao gồm chi phí trích trước mua điện mặt trời mái nhà, chi phí kiểm định công tơ, chi phí cước viễn thông,...

3.16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp.

3.17. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Đối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hết 70% trong vòng 05 năm kể từ khi trích lập quỹ, Công ty có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên số tiền quỹ còn lại và phần lãi trả chậm phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.18. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.19. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu dịch vụ bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp (xác định theo chỉ số trên công tơ điện của kỳ sử dụng điện gần nhất trước ngày lập Báo cáo tài chính) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.20 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.20. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.22. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

3.23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng), chi phí hội nghị khách hàng, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí công tư phân bổ và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.24. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế theo quy định hiện hành.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với điện thương phẩm kể từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.26. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.27. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7.

3.28. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	237.788.010	186.177.855
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.644.076.992	12.340.275.554
Các khoản tương đương tiền	-	100.000.000.000
Cộng	8.881.865.002	112.526.453.409

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (trên 3 tháng đến 12 tháng)	350.000.000.000	350.000.000.000	370.000.000.000	370.000.000.000
Cộng	350.000.000.000	350.000.000.000	370.000.000.000	370.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi nhánh Nha Trang - Công ty Cổ phần Vinpearl	7.622.121.230	8.818.340.390
Công ty TNHH Đóng tàu HD Hyundai Việt Nam	5.710.273.394	5.016.204.979
Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Khánh Hòa	8.844.441.000	8.844.441.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	4.072.000.000	4.072.000.000
Các đối tượng khác	440.266.657.434	402.645.248.384
Cộng	466.515.493.058	429.396.234.753
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan – xem thêm mục 8	92.567.216	139.221.172

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng EVN Quốc tế 1	6.071.124.690	10.873.501.206
Các đối tượng khác	10.661.173.713	14.693.182.932
Cộng	16.732.298.403	25.566.684.138
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan – xem thêm mục 8	965.888.975	3.287.287.145

4.5. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	321.105.400	-	30.300.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.302.781.812	-	71.220.606	-
Lãi dự thu	8.336.219.177	-	6.754.191.781	-
Tạm ứng	101.605.000	-	17.000.000	-
Thuế GTGT đầu vào chờ kê khai	38.409.196.399	-	-	-
Phải thu khác	1.926.498.460	-	1.356.604.742	-
Cộng	50.397.406.248	-	8.229.317.129	-
Trong đó: Phải thu khác các bên liên quan – xem thêm mục 8	321.105.400	-	30.300.000	-

b. Dài hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn				
Cầm cổ, ký cược, ký quỹ dài hạn	100.000.000	-	1.599.144.600	-
Cộng	100.000.000	-	1.599.144.600	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Dự phòng phải thu khách hàng tiền điện	-	-
Dự phòng phải thu khách hàng khác	(4.072.000.000)	(4.552.103.290)
Cộng	(4.072.000.000)	(4.552.103.290)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.542.664.087	-	23.842.541.110	-
Công cụ, dụng cụ	1.235.645.692	-	2.888.497.947	-
Chi phí SX, KD dở dang	5.639.132.171	-	15.062.700.977	-
Cộng	27.417.441.950	-	41.793.740.034	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 0 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm là 0 VND.

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bản quyền, dịch vụ công nghệ thông tin	3.592.990.699	2.632.700.535
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	297.799.362	328.220.036
Cộng	3.890.790.061	2.960.920.571
Dài hạn:		
Chi phí thay công tơ cháy hỏng thay thế định kỳ	25.209.293.423	35.395.576.338
Công tơ phát triển mới	7.751.338.792	6.777.133.568
Chi phí công cụ dụng cụ	25.626.686.318	17.419.784.524
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.040.767.522	8.167.220.808
Cộng	66.628.086.055	67.759.715.238

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2025	262.595.737.170	1.317.432.491.952	2.180.023.581.395	136.119.769.930	9.331.180.301	3.905.502.760.748
Mua trong năm	-	6.206.729.000	887.569.273	1.555.497.832	-	8.649.796.105
Đầu tư xây dựng hoàn thành	-	60.066.001.164	102.796.272.322	43.821.460	-	162.906.094.946
Phân loại lại tài sản	-	(10.227.851.580)	11.956.806.532	(1.728.954.952)	-	-
Tăng khác	-	5.126.461.458	9.658.898.104	-	-	14.785.359.562
Giảm do thanh lý	-	(4.331.102.991)	-	-	-	(4.331.102.991)
Giảm khác	-	(4.063.074.472)	(2.803.585.721)	(38.200.000)	-	(6.904.860.193)
Tại ngày 31/12/2025	262.595.737.170	1.370.209.654.531	2.302.519.541.905	135.951.934.270	9.331.180.301	4.080.608.048.177
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2025	115.851.562.194	959.556.777.820	1.603.173.963.552	115.866.392.268	8.466.205.942	2.802.914.901.776
Khấu hao trong năm	11.875.103.092	87.494.724.112	124.516.345.648	8.591.861.622	362.669.916	232.840.704.390
Phân loại lại tài sản	-	(1.526.450.254)	2.527.817.542	(1.001.367.288)	-	-
Tăng khác	-	3.500.533.705	-	-	-	3.500.533.705
Giảm do thanh lý	-	(4.331.102.991)	-	-	-	(4.331.102.991)
Giảm khác	-	(3.436.894.631)	(1.880.726.399)	(38.200.000)	-	(5.355.821.030)
Tại ngày 31/12/2025	127.726.665.286	1.041.257.587.761	1.728.337.400.343	123.418.686.602	8.828.875.858	3.029.569.215.850
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2025	146.744.174.976	357.875.714.132	576.849.617.843	20.253.377.662	864.974.359	1.102.587.858.972
Tại ngày 31/12/2025	134.869.071.884	328.952.066.770	574.182.141.562	12.533.247.668	502.304.443	1.051.038.832.327

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.320.166.807.283 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý là 18.995.708.686 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phân mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	14.511.765.935	16.177.819.107	30.689.585.042
Tăng trong năm	1.459.748.800	3.361.564.205	4.821.313.005
Tại ngày 31/12/2025	15.971.514.735	19.539.383.312	35.510.898.047
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	13.638.614.107	15.829.469.452	29.468.083.559
Khấu hao trong năm	467.787.021	2.241.157.842	2.708.944.863
Tại ngày 31/12/2025	14.106.401.128	18.070.627.294	32.177.028.422
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	873.151.828	348.349.655	1.221.501.483
Tại ngày 31/12/2025	1.865.113.607	1.468.756.018	3.333.869.625

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 21.024.482.521 VND.

Không có TSCĐ vô hình được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
KHO.CTXD21CTH01 - Cải tạo Đường dây 110kV Nha Trang - Diên Khánh - Suối Dầu	33.132.013.417	10.128.189.972
KHO.CTXD24NTR05 - Xây dựng đường dây trung áp liên lạc dọc tuyến đường D30 KHPC năm 2023	-	6.795.227.699
KHO.CTXD24NTR04 - Hạ ngầm lưới điện đường Lê Thánh Tôn KHPC năm 2023	20.692.948.010	-
Các công trình xây dựng cơ bản khác	20.653.708.736	8.748.367.769
Cộng	74.478.670.163	25.671.785.440

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	4.650.000.000		-	4.650.000.000		-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	4.650.000.000	Không xác định	-	4.650.000.000	5.115.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25.799.610.000		-	25.799.610.000		-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	13.824.610.000	Không xác định	-	13.824.610.000	Không xác định	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	11.975.000.000	22.741.004.000	-	11.975.000.000	26.987.818.000	-
Cộng	30.449.610.000		-	30.449.610.000		-

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác trong năm:

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

Giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2025 và tại ngày 01/01/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HNX tại các ngày tương ứng là 31/12/2025 (16.600đ/CP) và 31/12/2024 (19.700đ/CP), số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.369.940 cổ phiếu.

Giá trị hợp lý tại ngày 01/01/2025 của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa được xác định theo giá đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày 31/12/2024 là 11.000đ/CP, số lượng cổ phiếu nắm giữ: 465.000 cổ phiếu. Ngày 01 tháng 07 năm 2025, Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa chính thức hủy giao dịch chứng khoán tại thị trường UPCOM theo Quyết định số 709/QĐ-SGDHN và Thông báo số 2590/TB-SGDHN ngày 06/06/2025 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn và cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	317.938.386.007	317.938.386.007	431.234.681.527	431.234.681.527
Các đối tượng khác	38.236.492.653	38.236.492.653	33.920.762.026	33.920.762.026
Cộng	356.174.878.660	356.174.878.660	465.155.443.553	465.155.443.553
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	321.575.977.345	321.575.977.345	433.179.629.929	433.179.629.929

4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	14.210.161.381	47.935.217.766	33.725.056.385	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.406.088.188	-	14.310.499.096	15.000.000.000	16.716.587.284	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.922.609.983	18.874.925.669	21.558.362.089	-	4.606.046.403
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	5.723.585.976	-	(4.634.779.018)	53.322.891	1.035.484.067	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	49.825.287	49.825.287	-	-
Cộng	23.129.674.164	16.132.771.364	76.535.688.800	70.386.566.652	17.752.071.351	4.606.046.403

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trung tâm phát triển Quỹ đất Khánh Hòa	1.612.305.526	1.612.305.526
Trung tâm phát triển Quỹ đất Thành phố Nha Trang (nay là: Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất phường Nam Nha Trang)	4.526.744.585	4.526.744.585
Trung tâm phát triển Quỹ đất Thị xã Ninh Hòa (Nay là: Chi nhánh Phát triển quỹ đất Khu vực Ninh Hoà)	2.369.188.134	5.132.552.971
Các đối tượng khác	8.396.072.703	7.951.803.105
Cộng	16.904.310.948	19.223.406.187
Trong đó: Người mua trả trước là bên liên quan - Xem thêm mục 8	162.753.723	162.753.723

4.16. Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền lương, thưởng phải trả cán bộ, nhân viên	124.342.595.488	83.564.531.295
Cộng	124.342.595.488	83.564.531.295

4.17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Lãi vay dự trả	1.992.975.116	2.572.819.682
Chi phí phải trả khác	82.658.669.174	32.105.013.070
Cộng	84.651.644.290	34.677.832.752
Trong đó: Chi phí phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8	589.446.555	759.570.419

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Cho khách hàng thuê MBA	1.760.731.191	1.415.138.113
Cho khách hàng thuê văn phòng	566.840.880	296.425.680
Doanh thu nhận trước hoạt động khác	395.894.583	1.092.059.865
Cộng	2.723.466.654	2.803.623.658

4.19. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	2.351.482
Kinh phí công đoàn	-	446.248.678
Các khoản BHXH, BHYT, BHTN	-	3.837.165.120
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	558.673.252	481.650.000
Thuế GTGT đầu ra chờ kê khai	16.083.560.865	-
Cổ tức phải trả	6.445.780	5.637.280
Các khoản phải trả khác	488.983.070	286.571.340
Cộng	17.137.662.967	5.059.623.900
Dài hạn		
Tiền ký cược sử dụng điện	61.911.411.314	47.153.957.023
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn khác	1.698.256.000	1.280.445.600
Cộng	63.609.667.314	48.434.402.623

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.20. Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	100.000.000.000	187.000.000.000	87.000.000.000	87.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Khánh Hòa</i>	-	-	<i>100.000.000.000</i>	<i>187.000.000.000</i>	<i>87.000.000.000</i>	<i>87.000.000.000</i>
Vay dài hạn đến hạn trả	142.886.384.204	142.886.384.204	146.774.519.204	151.233.085.044	147.344.950.044	147.344.950.044
Nợ dài hạn đến hạn trả	54.690.183	54.690.183	340.791.208	286.101.025	-	-
Cộng	142.941.074.387	142.941.074.387	247.115.310.412	338.519.186.069	234.344.950.044	234.344.950.044

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Dài hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn:	737.027.618.590	737.027.618.590	123.614.933.555	151.233.085.044	764.645.770.079	764.645.770.079
Tập đoàn điện lực Việt Nam	4.427.060.025	4.427.060.025	138.634.098	2.144.188.818	6.432.614.745	6.432.614.745
Tổng Công ty Điện lực miền Trung	27.790.257.767	27.790.257.767	870.256.394	2.833.684.086	29.753.685.459	29.753.685.459
Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hòa	127.273.500.000	127.273.500.000	33.941.047.729	32.390.880.000	125.723.332.271	125.723.332.271
Ngân hàng TMCP An Bình	4.553.995.000	4.553.995.000	-	4.169.540.000	8.723.535.000	8.723.535.000
Ngân hàng TMCP Công Thương VN	224.261.758.051	224.261.758.051	28.296.124.334	42.430.236.000	238.395.869.717	238.395.869.717
Ngân hàng TMCP Quân Đội	4.365.598.007	4.365.598.007	-	2.419.811.140	6.785.409.147	6.785.409.147
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN	158.305.104.000	158.305.104.000	-	37.843.526.000	196.148.630.000	196.148.630.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	6.005.432.000	6.005.432.000	-	6.074.856.000	12.080.288.000	12.080.288.000
Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	13.474.555.404	13.474.555.404	-	4.106.363.000	17.580.918.404	17.580.918.404
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	95.086.652.597	95.086.652.597	-	16.820.000.000	111.906.652.597	111.906.652.597
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	71.483.705.739	71.483.705.739	60.368.871.000	-	11.114.834.739	11.114.834.739
Nợ dài hạn khác	15.736.240.029	15.736.240.029	-	286.101.025	16.022.341.054	16.022.341.054
Sở tài chính Khánh Hòa	15.607.375.029	15.607.375.029	-	286.101.025	15.893.476.054	15.893.476.054
Các đối tượng khác	128.865.000	128.865.000	-	-	128.865.000	128.865.000
Cộng	752.763.858.619	752.763.858.619	123.614.933.555	151.519.186.069	780.668.111.133	780.668.111.133
Số phải trả trong vòng 12 tháng	142.941.074.387	142.941.074.387			147.344.950.044	147.344.950.044
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	142.886.384.204	142.886.384.204			147.344.950.044	147.344.950.044
Nợ dài hạn đến hạn trả	54.690.183	54.690.183			-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	609.822.784.232	609.822.784.232			633.323.161.089	633.323.161.089
Trong đó: Vay các bên liên quan – Xem thêm mục 8	32.217.317.792	32.217.317.792			36.186.300.204	36.186.300.204

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn được chi tiết như sau:

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 31/12/2025				Tại ngày 01/01/2025			
						Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả
I.	VAY DÀI HẠN												
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam					\$ 167.837,89	4.427.060.025	2.213.554.939	2.213.505.086	\$ 251.755,89	6.432.614.745	4.288.425.927	2.144.188.818
	Nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới	USD	1,2%/năm	19 năm	06 tháng, từ ngày 15/06/2010	\$ 167.837,89	4.427.060.025	2.213.554.939	2.213.505.086	\$ 251.755,89	6.432.614.745	4.288.425.927	2.144.188.818
2	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung					\$ 1.053.579,17	27.790.257.767	24.864.967.753	2.925.290.014	\$ 1.164.482,23	29.753.685.459	26.920.001.373	2.833.684.086
	TBA 110KV Ninh Thủy và nhánh rẽ	USD	6,06%/năm	25 năm	06 tháng, từ ngày 05/02/2021	\$ 1.053.579,17	27.790.257.767	24.864.967.753	2.925.290.014	\$ 1.164.482,23	29.753.685.459	26.920.001.373	2.833.684.086
3	Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa					-	127.273.500.000	97.739.500.000	29.534.000.000	-	125.723.332.271	94.822.852.271	30.900.480.000
	Các khoản vay liên quan đến xây dựng mới các TBA, cải tạo các TBA và hoàn thiện các công trình liên quan đến ngành điện	VND	7,9%/năm đến 8,29%/năm (tùy thuộc vào khoản vay)	Từ 60 tháng đến 120 tháng (Tùy thuộc khoản vay)	01 tháng, từ tháng 5/2018 đến từ tháng 9/2025 (tùy thuộc vào khoản vay)	-	127.273.500.000	97.739.500.000	29.534.000.000	-	125.723.332.271	94.822.852.271	30.900.480.000
4	Ngân hàng TMCP An Bình					-	4.553.995.000	823.655.000	3.730.340.000	-	8.723.535.000	4.553.995.000	4.169.540.000
	Sửa chữa điện nóng Khánh Hòa - Hotline	VND	7,2%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 9/2016	-	435.600.000	-	435.600.000	-	1.310.400.000	435.600.000	874.800.000
	Vay tài trợ dự án Amorphous	VND	7,5%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 4/2017	-	875.000.000	175.000.000	700.000.000	-	1.575.000.000	875.000.000	700.000.000
	Dự án NCS E33 lắp MBA T2 T.110KV Nam Cam Ranh	VND	7,5%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 4/2017	-	3.243.395.000	648.655.000	2.594.740.000	-	5.838.135.000	3.243.395.000	2.594.740.000
5	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam					-	224.261.758.051	181.152.814.051	43.108.944.000	-	238.395.869.717	198.163.869.717	40.232.000.000
	Các khoản vay liên quan đến xây dựng mới các TBA, lắp đặt thiết bị điện, thay thế MBA và hoàn thiện các công trình liên quan đến ngành điện	VND	Từ 7,48%/năm đến 8%/năm (tùy thuộc vào khoản vay)	Từ 120 tháng đến 240 tháng (tùy thuộc vào khoản vay)	03 tháng, từ tháng 7/2014 đến từ tháng 10/2026 (tùy thuộc vào khoản vay)	-	224.261.758.051	181.152.814.051	43.108.944.000	-	238.395.869.717	198.163.869.717	40.232.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025				
						Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả
6	Ngân hàng TMCP Quân Đội					-	4.365.598.007	2.280.986.903	2.084.611.104	-	6.785.409.147	4.365.598.007	2.419.811.140
	Các khoản vay liên quan đến nâng cấp cải tạo hệ thống liên quan đến ngành điện	VND	7,475%/năm	Từ 60 tháng đến 120 tháng (tùy thuộc vào khoản vay)	01 tháng hoặc 03 tháng, từ tháng 01/2019 đến từ tháng 7/2020 (tùy thuộc vào khoản vay)		4.365.598.007	2.280.986.903	2.084.611.104		6.785.409.147	4.365.598.007	2.419.811.140
7	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam					-	158.305.104.000	125.548.207.000	32.756.897.000	-	196.148.630.000	158.305.104.000	37.843.526.000
	01.KHPC/HĐTD - Các công trình giảm tổn thất điện năng, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện 2018 (Agribank)	VND	7,425%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 12/2019		20.830.000.000	14.520.000.000	6.310.000.000		26.590.000.000	20.830.000.000	5.760.000.000
	02.2019.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư 28 dự án năm 2018 chuyển tiếp - Agribank	VND	7,475%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 7/2019		31.947.458.000	23.947.458.000	8.000.000.000		39.947.458.000	31.947.458.000	8.000.000.000
	03.2019.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư 11 dự án các công trình HTLD trung áp năm 2019 - Agribank	VND	7,175%/năm	126 tháng	03 tháng, từ tháng 7/2019		19.187.274.000	14.907.274.000	4.280.000.000		23.467.274.000	19.187.274.000	4.280.000.000
	04.2020.KHPC/HĐTD - Mua sắm xe gầu Hollar và hệ thống dụng cụ bypass	VND	7,375%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 12/2020		5.361.779.000	4.209.779.000	1.152.000.000		6.513.779.000	5.361.779.000	1.152.000.000
	05.2020.KHPC/HĐTD - Mua sắm thiết bị đo đếm, mua sắm thiết bị thuê thiết bị đo xa 2020	VND	7,375%/năm	60 tháng	03 tháng, từ tháng 12/2020						5.639.398.000		5.639.398.000
	06.2021.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư các dự án ĐTXD và SXKD năm 2021 - Agribank	VND	7,175%/năm	120 tháng	3 tháng, từ tháng 11/2022		38.427.911.000	32.067.911.000	6.360.000.000		44.787.911.000	38.427.911.000	6.360.000.000
	07.2021.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư các dự án ĐTXD và SXKD năm 2021 - Agribank	VND	7,175%/năm	120 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2022		15.620.820.000	13.020.820.000	2.600.000.000		18.220.820.000	15.620.820.000	2.600.000.000
	08.2021.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư các dự án ĐTXD và SXKD năm 2021 - Agribank	VND	7,175%/năm	60 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2022		598.769.000		598.769.000		1.194.769.000	598.769.000	598.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025				
						Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả
	09.2023.KHPC/HĐTD - Các dự án ĐTXD thuộc gói tín dụng 2/2023 (Agribank)	VND	7,175%/năm	120 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2024		17.075.172.000	14.871.924.000	2.203.248.000		19.278.420.000	17.075.172.000	2.203.248.000
	10.2023.KHPC/HĐTD - Dự án ĐTXD 22NTR02 thuộc gói tín dụng 2/2023 (Agribank)	VND	7,175%/năm	117 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2024		2.616.630.000	2.267.750.000	348.880.000		2.965.510.000	2.616.630.000	348.880.000
	11.2023.KHPC/HĐTD - Mua các TSCĐ thuộc gói tín dụng 2/2023 (Agribank)	VND	7,175%/năm	120 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2024		6.453.539.000	5.621.539.000	832.000.000		7.285.539.000	6.453.539.000	832.000.000
	12.2023.KHPC/HĐTD - Mua TSCĐ thuộc gói tín dụng 2/2023 (camera nhiệt, máy photocopy) - vay Agribank	VND	7,175%/năm	60 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2024		185.752.000	113.752.000	72.000.000		257.752.000	185.752.000	72.000.000
8	Ngân hàng TMCP Á Châu					-	6.005.432.000	-	6.005.432.000	-	12.080.288.000	6.005.432.000	6.074.856.000
	Vay mua Công tơ điện 2021	VND	7,175%/năm	60 tháng	03 tháng, từ tháng 11/2022		6.005.432.000	-	6.005.432.000		12.080.288.000	6.005.432.000	6.074.856.000
9	Công ty tài chính Cổ phần Điện Lực (EVNFC)					-	13.474.555.404	9.767.190.404	3.707.365.000	-	17.580.918.404	13.674.054.404	3.906.864.000
	Các khoản vay liên quan đến xây dựng mới các TBA, lắp đặt thiết bị điện, thay thế MBA và hoàn thiện các công trình liên quan đến ngành điện	VND	7,48%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 3/2020 đến từ tháng 12/2020		13.474.555.404	9.767.190.404	3.707.365.000		17.580.918.404	13.674.054.404	3.906.864.000
10	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nha Trang						95.086.652.597	78.266.652.597	16.820.000.000		111.906.652.597	95.086.652.597	16.820.000.000
	Các dự án đầu tư xây dựng và cải tạo lưới điện thuộc kế hoạch ĐTXD 2022	VND	7,5%/năm	120 tháng	06 tháng, từ tháng 06/2023		88.647.878.597	75.027.878.597	13.620.000.000		102.267.878.597	88.647.878.597	13.620.000.000
	Vay mua Công tơ điện 2022	VND	6,98%/năm	60 tháng	06 tháng, từ tháng 08/2023		6.438.774.000	3.238.774.000	3.200.000.000		9.638.774.000	6.438.774.000	3.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 31/12/2025				Tại ngày 01/01/2025			
						Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả
11	Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam - CN Đà Nẵng						71.483.705.739	71.483.705.739	-		11.114.834.739	11.114.834.739	-
	30-005-311-504 - Vay mua sắm TSCĐ và ĐTXD 2024 Shinhan bank	VND	6,78%/năm	120 tháng	06 tháng, từ tháng 06/2026		11.850.318.739	11.850.318.739	-		11.114.834.739	11.114.834.739	-
	30-005-715-330 - Vay tài trợ dự án ĐTXD 2025 gói 1 Shinhan bank	VND	6,63%/năm	120 tháng	06 tháng, từ tháng 06/2026		28.399.387.000	28.399.387.000	-		-	-	-
	130-005-856-077 - Vay tài trợ dự án mua sắm TSCĐ và ĐTXD 2025 gói 3 Shinhan bank	VND	6,63%/năm	120 tháng	06 tháng, từ tháng 09/2026		31.234.000.000	31.234.000.000	-		-	-	-
II. NỢ DÀI HẠN													
1	Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa	VND	0%/năm	120 tháng	12 tháng		15.607.375.029	15.552.684.846	54.690.183		15.893.476.054	15.893.476.054	-
2	Các đối tượng khác	VND	0%/năm				128.865.000	128.865.000	-		128.865.000	128.865.000	-
TỔNG CỘNG						\$ 1.221.417,06	752.763.858.619	609.822.784.232	142.941.074.387	\$ 1.416.238,12	780.668.111.133	633.323.161.089	147.344.950.044



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.21. Vốn chủ sở hữu****4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2024	604.059.670.000	(470.673.364)	9.443.636.522	(11.173.978.888)	1.130.697.119	96.887.867.846	699.877.219.235
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	57.758.000.584	57.758.000.584
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2023	-	-	-	-	-	(18.961.700.000)	(18.961.700.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(35.343.580.200)	(35.343.580.200)
Chia cổ phiếu quỹ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2023	-	-	-	10.955.832.771	-	(10.955.832.771)	-
Số dư tại ngày 01/01/2025	604.059.670.000	(470.673.364)	9.443.636.522	(218.146.117)	1.130.697.119	89.384.755.459	703.329.939.619
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	56.711.602.531	56.711.602.531
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 (i)	-	-	-	-	-	(29.220.700.000)	(29.220.700.000)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	(30.188.373.000)	(30.188.373.000)
Tại ngày 31/12/2025	604.059.670.000	(470.673.364)	9.443.636.522	(218.146.117)	1.130.697.119	86.687.284.990	700.632.469.150

(i) Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025.

(ii) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 5%/VĐL chi trả bằng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.21.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	604.059.670.000	604.059.670.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	604.059.670.000	604.059.670.000

4.21.3. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	322.808.680.000	322.808.680.000
Các cổ đông khác	280.958.780.000	280.958.780.000
Cổ phiếu quỹ	292.210.000	292.210.000
Cộng	604.059.670.000	604.059.670.000

4.21.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	60.405.967	60.405.967
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.405.967	60.405.967
- Cổ phiếu phổ thông	60.405.967	60.405.967
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	29.221	29.221
- Cổ phiếu phổ thông	29.221	29.221
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.376.746	60.376.746
- Cổ phiếu phổ thông	60.376.746	60.376.746
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.21.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	56.711.602.531	57.758.000.584
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(29.220.700.000)
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	56.711.602.531	28.537.300.584
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	60.376.746	60.376.746
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	939	473

4.21.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	56.711.602.531	57.758.000.584
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(29.220.700.000)
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	56.711.602.531	28.537.300.584
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	60.376.746	60.376.746
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	60.376.746	60.376.746
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	939	473

(*) Năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty chưa thông qua kế hoạch cụ thể trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Theo đó, lợi nhuận sau thuế TNDN để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2025 là toàn bộ lãi sau thuế của cổ đông Công ty, các chỉ tiêu này của năm 2025 có thể sẽ thay đổi khi Công ty có quyết định về việc trích quỹ trong tương lai.

Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 được trình bày lại dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 về việc phân phối lợi nhuận năm 2024. Theo đó, lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại là 473 VND/cổ phiếu (Số đã trình bày ở báo cáo năm trước là 957 VND/cổ phiếu).

4.21.7. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 5%/VĐL chi trả bằng tiền, tương ứng 30.188.373.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.21.8. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2025	1.130.697.119
Trích trong năm	-
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2025	1.130.697.119

4.22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	9.333.745.406	9.335.034.181
Cộng	9.333.745.406	9.335.034.181

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán điện	7.619.178.558.759	6.959.292.191.893
Doanh thu hoạt động cho thuê cột điện	56.970.043.167	57.978.890.833
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm khác	56.994.001.293	69.409.375.145
- Xây lắp điện	28.786.710.845	38.353.750.700
- Khảo sát, thiết kế công trình điện	2.033.042.795	2.062.141.165
- Mắc dây, đặt điện	9.947.072.356	9.820.437.731
- Sửa chữa, thí nghiệm điện, kiểm định	16.227.175.297	19.173.045.549
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.258.744.777	15.218.296.008
Doanh thu nhượng bán vật tư, hàng hóa, phế liệu	5.438.058.611	16.715.855.957
Cộng	7.750.839.406.607	7.118.614.609.836
Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	3.566.636.083	2.565.360.291

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán điện	7.427.410.547.490	6.784.164.957.245
Giá vốn hoạt động cho thuê cột điện	16.540.840.321	14.467.088.254
Giá vốn tiêu thụ sản phẩm khác	42.210.510.807	49.510.172.156
- Xây lắp điện	22.203.954.881	28.563.823.290
- Khảo sát, thiết kế công trình điện	1.557.865.906	1.638.033.570
- Mắc dây, đặt điện	7.567.375.932	7.387.112.756
- Sửa chữa, thí nghiệm điện, kiểm định	10.881.314.088	11.921.202.540
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.850.468.242	2.792.179.104
Giá vốn nhượng bán vật tư, hàng hóa, phế liệu	3.054.276.073	9.753.835.007
Cộng	7.492.066.642.933	6.860.688.231.766

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.411.131.244	19.321.169.417
Cổ tức lợi nhuận được chia	1.700.452.000	1.564.708.300
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	47.123.559	13.720.593
Doanh thu hoạt động tài chính khác	341.363.819	523.499.436
Cộng	19.500.070.622	21.423.097.746

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	52.185.388.760	59.769.183.440
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.523.834	71.532.474
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	1.008.890.492	1.601.765.313
Cộng	53.240.803.086	61.442.481.227

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng công cụ	19.221.544.943	23.450.159.700
Chi phí nhân viên bán hàng	41.357.645.446	32.848.520.685
Chi phí khấu hao tài sản	44.160.504	102.340.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.034.972.993	11.016.420.607
Chi phí bằng tiền khác	4.832.509.030	4.416.836.312
Cộng	76.490.832.916	71.834.277.635

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.903.193.002	1.457.643.017
Chi phí nhân viên quản lý	55.678.682.211	49.882.028.366
Chi phí khấu hao tài sản	12.607.198.748	10.898.323.614
Dự phòng/(Hoàn nhập) DP nợ phải thu khó đòi	(480.103.290)	(373.858.117)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.224.748.890	11.534.742.458
Chi phí bằng tiền khác	13.351.182.938	20.648.264.618
Cộng	96.284.902.499	94.047.143.956

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ, vật tư thu hồi	1.586.620.239	1.182.410.544
Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	572.910.118	384.922.074
Các khoản thu nhập khác	21.477.870.754	23.609.803.969
Cộng	23.637.401.111	25.177.136.587

5.8. Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí có tính chất phúc lợi	1.557.000.000	2.878.000.000
Các khoản chi phí khác	3.314.595.279	3.001.147.819
Cộng	4.871.595.279	5.879.147.819

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	90.559.686.969	104.139.665.671
Chi phí nhân công	357.766.157.253	325.270.828.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	234.440.440.375	221.115.537.462
Dự phòng/(Hoàn nhập) DP nợ phải thu khó đòi	(480.103.290)	(373.858.117)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.906.025.497.189	6.304.696.352.733
Chi phí khác bằng tiền	67.107.131.046	67.586.472.314
Cộng	7.655.418.809.542	7.022.434.998.774

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71.022.101.627	71.323.561.766
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	530.393.853	(3.548.317.488)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.700.096.130	3.604.930.443
- Chi phí không được trừ năm nay	2.700.096.130	3.604.930.443
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(2.169.702.277)	(7.153.247.931)
- Chi phí đã loại trừ khi tính thuế TNDN các năm trước, năm nay được trừ khi tính thuế TNDN	(469.250.277)	(5.535.977.997)
- Cổ tức được nhận	(1.700.452.000)	(1.564.708.300)
- Phần LN năm trước bổ sung trong năm nay đã tính thuế bổ sung cho năm trước	-	(52.561.634)
Tổng thu nhập tính thuế	71.552.495.480	67.775.244.278
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.310.499.096	13.565.561.182
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	14.310.499.096	13.555.048.856
Chi phí thuế TNDN các năm trước bổ sung trong năm nay	-	10.512.326

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	222.606.043.063	157.473.422.290
Cộng	222.606.043.063	157.473.422.290

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền chi trả gốc vay theo kế ước thông thường	338.519.186.069	240.415.819.726
Cộng	338.519.186.069	240.415.819.726

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là bán điện trên địa bàn Tỉnh Khánh Hòa thuộc lãnh thổ duy nhất là Việt Nam. Doanh thu từ bán điện chiếm 98,3% tổng doanh thu trong năm.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty mẹ
Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Trường Cao đẳng Điện lực Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Ban QLDA điện nông thôn miền Trung_Tổng công ty Điện lực Miền Trung (CREB) (*)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Ban QLDA Lưới điện miền Trung_Tổng công ty Điện lực miền Trung (NPMU) (*)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty Điện lực Phú Yên - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (nay là Công ty Điện lực Đắc Lắc) (**)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Điện lực Đắc Lắc	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Điện lực Khánh Hòa – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Điện lực Gia Lai – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Điện lực Hà Tĩnh – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	Đơn vị trực thuộc Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Tư vấn điện Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện miền Trung	Chung 1 thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên Ban Quản lý
Các bên liên quan khác trong nội bộ tập đoàn và bên liên quan khác theo quy định hiện hành	Bên liên quan khác

(*) Sáp nhập Ban QLDA Điện nông thôn miền Trung (CPCCREB) vào Ban QLDA Lưới điện miền Trung (CPCNPMU) kể từ 00h00 ngày 01/03/2025 (Theo quyết định số 112/QĐ-HĐTV do Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Trung (EVNCPC) ban hành ngày 14/02/2025).

(**) Sáp nhập Công ty Điện lực Phú Yên và Công ty Điện lực Đắc Lắc thành Công ty Điện lực Đắc Lắc (PC Đắc Lắc) từ ngày 1/7/2025.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	73.698.588	106.930.081
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Trung	18.868.628	32.291.091
Cộng - Xem thêm mục 4.3	92.567.216	139.221.172
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	211.368.975	2.445.563.826
Ban QLDA điện nông thôn miền Trung_Tổng công ty Điện lực Miền Trung (CREB)	-	87.203.319
Ban QLDA Lưới điện miền Trung_Tổng công ty Điện lực miền Trung (NPMU)	754.520.000	754.520.000
Cộng - Xem thêm mục 4.4	965.888.975	3.287.287.145
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	321.105.400	30.300.000
Cộng - Xem thêm mục 4.5	321.105.400	30.300.000
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	317.938.386.007	431.234.681.527
Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	2.357.956.440	1.247.068.872
Công ty Tư vấn điện Miền Trung - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Trung	992.815.893	692.051.530
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	286.819.005	5.828.000
Cộng - Xem thêm mục 4.13	321.575.977.345	433.179.629.929
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Ban QLDA điện nông thôn miền Trung_Tổng công ty Điện lực Miền Trung (CREB)	-	162.753.723
Ban QLDA Lưới điện miền Trung_Tổng công ty Điện lực miền Trung (NPMU)	162.753.723	-
Cộng - Xem thêm mục 4.15	162.753.723	162.753.723
Chi phí phải trả		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	586.937.839	755.925.313
- Phải trả lãi vay	586.937.839	755.925.313
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.508.716	3.645.106
- Phải trả lãi vay	2.508.716	3.645.106
Cộng - Xem thêm mục 4.17	589.446.555	759.570.419

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Vay và nợ thuê tài chính		
Vay dài hạn	32.217.317.792	36.186.300.204
<i>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>	4.427.060.025	6.432.614.745
<i>Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</i>	27.790.257.767	29.753.685.459
Cộng - Xem thêm mục 4.20	32.217.317.792	36.186.300.204

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty Điện lực Phú Yên		
<i>Cung cấp dịch vụ quản lý vận hành</i>	570.447.618	1.140.895.233
<i>Cung cấp dịch vụ thí nghiệm điện</i>	-	25.824.642
Công ty Điện lực Khánh Hoà		
<i>Cung cấp dịch vụ quản lý vận hành</i>	258.219.671	-
<i>Cung cấp dịch vụ thí nghiệm điện</i>	242.832.010	-
<i>Cho thuê Văn phòng</i>	371.103.254	-
Công ty Điện lực Đắk Lắk		
<i>Cung cấp dịch vụ quản lý vận hành</i>	95.074.603	-
<i>Nhượng bán vật tư</i>	52.829.032	-
Công ty Điện lực Hà Tĩnh		
<i>Nhượng bán vật tư</i>	12.101.040	-
Công ty Điện lực Gia Lai		
<i>Nhượng bán vật tư</i>	16.932.882	-
Ban QLDA điện nông thôn miền Trung_Tổng công ty Điện lực Miền Trung (CREB)		
<i>Nhượng bán vật tư</i>	-	5.712.120
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa		
<i>Bán điện</i>	834.543.416	859.669.358
<i>Cho thuê máy biến áp</i>	42.986.160	48.392.760
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện miền Trung		
<i>Dịch vụ quản lý vận hành</i>	777.492.130	358.951.769
<i>Bán điện</i>	292.074.267	125.914.409
Cộng - Xem thêm mục 5.1	3.566.636.083	2.565.360.291

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
<i>Trả gốc vay</i>	2.144.188.818	2.049.277.560
<i>Trả lãi vay</i>	69.186.713	92.125.267
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
<i>Mua điện thương phẩm</i>	6.115.616.273.592	5.475.602.267.300
<i>Mua dịch vụ khác</i>	316.908.650	309.135.255
<i>Chia cổ tức</i>	16.140.434.000	18.896.118.000
<i>Trả gốc vay</i>	2.833.684.086	2.708.252.725
<i>Trả lãi vay</i>	1.554.517.983	2.086.220.738
<i>Trả khác (TK 33888_ Tiểu dự án cải tạo lưới điện phân phối Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa thuộc dự án DEP - vốn KHCB và Chênh lệch tỷ giá)</i>	-	14.472.878.795
Công ty Điện lực Phú Yên		
<i>Thuê tài sản</i>	40.767.920.874	86.152.405.688
Công ty Điện lực Khánh Hòa		
<i>Thuê tài sản</i>	42.775.119.092	-
Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
<i>Mua vật tư</i>	15.029.198.050	3.518.750.600
<i>Mua dịch vụ kiểm định, sửa chữa, dịch vụ đo xa</i>	965.736.800	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung		
<i>Mua dịch vụ kiểm định, thí nghiệm, đào tạo</i>	1.036.619.068	2.491.432.167
<i>Mua tài sản</i>	-	1.403.389.620
Công ty Tư vấn điện Miền Trung - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
<i>Dịch vụ Tư vấn</i>	852.823.194	2.491.454.324
Trường Cao đẳng Điện lực Miền Trung		
<i>Dịch vụ đào tạo</i>	811.488.598	293.712.122
Ban QLDA Lưới điện miền Trung_ Tổng công ty Điện lực miền Trung (NPMU)		
<i>Dịch vụ tư vấn khảo sát và lập BC KTKT</i>	-	164.763.641
Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
<i>Mua dịch vụ khác</i>	890.462.370	647.371.396
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa		
<i>Mua vật tư</i>	779.005.539	3.995.721.208
<i>Nhận cổ tức</i>	604.500.000	465.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của các thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Đối tượng	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Đào Truyền	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 24/04/2025)	34.776.000	89.424.000
Ông Trần Văn Khoa	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	7.452.000	52.164.000
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	7.452.000	52.164.000
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	66.711.000	37.260.000
Ông Trần Văn Gia	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 24/04/2025)	32.255.520	-
Ông Nguyễn Chí Tân	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 24/04/2025)	32.255.520	-
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên BKS	81.148.800	82.220.400
Ông Nguyễn Hữu Minh	Thành viên BKS	81.148.800	82.220.400
Ông Phan Công Bình	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 19/04/2023)	-	6.980.040
Ông Lê Hải Thuyết	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 19/04/2023)	-	6.934.500
Cộng		343.199.640	409.367.340

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và các nhân viên quản chủ chốt khác:

Đối tượng	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Nguyễn Cao Ký	Chủ tịch HĐQT	985.400.762	764.502.517
Ông Nguyễn Hải Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.042.418.841	757.314.574
Ông Trần Văn Khoa	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	17.811.222	26.678.000
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2024)	17.811.222	26.678.000
Ông Đào Truyền	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 24/04/2025)	27.858.102	10.060.200
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	22.811.222	-
Ông Trần Văn Gia	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 24/04/2025)	2.222.222	-
Ông Nguyễn Chí Tân	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 24/04/2025)	2.222.222	-
Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025)	626.259.385	711.812.971
Ông Trần Đăng Hiền	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/12/2025)	833.599.192	685.915.540
Ông Nguyễn Tấn Lực	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 24/04/2025), Phó Tổng Giám đốc	745.132.379	669.622.784
Ông Nguyễn Đặng Thanh Lợi	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/01/2025)	770.535.728	-
Bà Nguyễn Thị Vân	Trưởng ban kiểm soát	775.076.813	659.010.804
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên BKS	15.922.600	7.042.140
Ông Nguyễn Hữu Minh	Thành viên BKS	15.922.600	7.042.140
Cộng		5.901.004.512	4.325.679.670

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG****Công ty là bên cho thuê**

Công ty cho thuê văn phòng, cho thuê máy biến áp theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê văn phòng có kỳ hạn từ 1 năm đến 7 năm, các hợp đồng cho thuê máy biến áp có kỳ hạn từ 1 tháng đến 1 năm.

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động trong năm	12.211.744.777	15.143.322.909
Tổng cộng	12.211.744.777	15.143.322.909

Công ty là bên đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản thuê hoạt động các tài sản với Công ty Điện lực Phú Yên (nay là Công ty Điện lực Đắk Lắk) theo các Nghị quyết số 74/NQ-HĐTV ngày 24/02/2020, Nghị quyết số 648/NQ-HĐTV ngày 01/10/2020, Nghị quyết số 973/NQ-HĐTV ngày 31/12/2021 về việc cho thuê tài sản các dự án điện do EVNCPC trực tiếp đầu tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Nghị quyết HĐQT số 222/NQ-KHPC ngày 15/08/2025 phê duyệt ký phụ lục thay đổi chủ thể các hợp đồng/phụ lục hợp đồng thuê tài sản với chủ thể bên cho thuê sau thay đổi là Công ty Điện lực Khánh Hòa – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung kể từ ngày 01/07/2025. Theo đó, các dự án đã thuê bao gồm:

Tài sản đi thuê	Nguyên giá tài sản đi thuê 1.000.000 VND
- Cải tạo nâng cao khả năng truyền tải ĐZ 110kV từ TBA 110kV Nha Trang Ninh Hòa	91.112
- Tiểu dự án cải tạo lưới điện phân phối Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa thuộc dự án DEP, vay vốn WB	92.326
- Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2015 - 2020 (Dự án 2081 tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 1,2 và 3)	68.335
- TBA 110kV Trung tâm Nha Trang và đấu nối	172.992
- Công trình đấu nối 110kV sau TBA 220kV Vân Phong	31.275
- Nâng cao KN mạng tải ĐZ 110 kV Suối dầu Cam Ranh	80.547
- Tài sản lưới điện đường sắt tỉnh Khánh Hòa	2.151
- Mở rộng TTGS vận hành LĐ tại EVNCPC kết nối dữ liệu SCADA với 13 TTĐK tại các tỉnh miền Trung	248
- Dự án TBA 110kV Lương Sơn và đấu nối	48.802
- Dự án TBA 110kV Trung tâm Cam Ranh và đấu nối	38.936
- Cải tạo và phát triển lưới điện Trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Khánh Hòa (KfW3.2)	39.725
- Công trình "Đường Nha Trang đi Đà Lạt, đoạn Nha Trang - Diên Khánh (Cao Ba Quát - Cầu Lùng)"	3.199
- Công trình "Cơ sở hạ tầng khu trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, tỉnh Khánh Hòa: Hạng mục Cấp ngầm trung áp và Trạm biến áp"	242
- Công trình "Dự án nâng cấp mở rộng Hương Lộ 39 (giai đoạn 2), tỉnh Khánh Hòa: Hạng mục Xây dựng mới 01 TBA và đường dây trung áp"	209
- Công trình "Nhánh rẽ cấp ngầm 22kV và Trạm biến áp 22/0,4kV-160kVA cấp điện doanh trại Trung tâm 75 - Tổng cục II - Bộ Quốc phòng"	144
- Đường dây 110kV mạch kép thuộc dự án Đấu nối 110kV sau TBA 220kV Cam Ranh"	12.236
- Công trình "Hệ thống điện trung, hạ áp và các trạm biến áp thuộc dự án KĐT mới Lê Hồng Phong I, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa"	11.904
- Công trình "Hệ thống điện trung, hạ áp và các trạm biến áp thuộc dự án KĐT mới Lê Hồng Phong II, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa"	18.000
Cộng	712.383

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

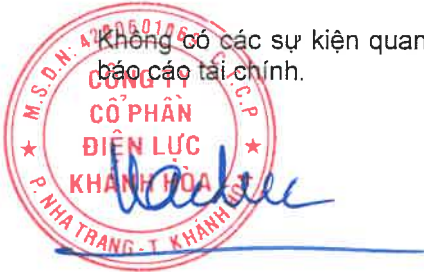
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời hạn thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động là từ 32 tháng đến 10 năm.

	<u>Năm 2025</u> VND	<u>Năm 2024</u> VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	83.543.039.966	86.152.405.688

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Hải Đức
Tổng Giám đốc
Khánh Hòa, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Phan Thị Thanh Lý
Kế toán trưởng

Trần Thị Phương Chi
Người lập